

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - ST

Ngày 09/7/2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Trữ và bà Đoàn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1981.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị N; vắng mặt anh D có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án như sau:

Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Anh D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2002 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không hợp nhau về cách sống, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên từ đầu năm 2019 vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng.

* Quan điểm của chị Đào Thị N: Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh D không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Anh D.

* Quan điểm của anh Nguyễn Anh D: Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được, chị N xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị N và anh D thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 26/10/2002 và cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 21/3/2009. Anh chị xác định cháu Nguyễn Công T đã trưởng thành nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Tiến T do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N xin nuôi cháu Nguyễn Tiến T và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tiến T theo quy định của pháp luật. Anh D nhất trí giao cháu Nguyễn Tiến T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng anh chị không có. Hiện chị N không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyễn vọng của cháu Nguyễn Tiến T: Hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu và cháu đang học lớp 6C, trường Trung học cơ sở T. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm: Về hôn nhân chị xin ly hôn với anh Nguyễn Anh D. Về con chung: Chị xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiến T và nhất trí việc anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu Nguyễn Tiến T trưởng thành. Các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí cho anh Nguyễn Anh D.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị N và anh Nguyễn Anh D.

- Về con chung: Giao chị N nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tiến T. Anh D có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Tiến T cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật; chị N và thành viên trong gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng cho anh D của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đào Thị N có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh Nguyễn Anh D có nơi cư trú tại tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có bản tự khai thể hiện quan điểm và đơn xin vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2002 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị N, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh chị không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị N xin ly hôn, anh D cũng hoàn toàn nhất trí. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị N, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh D thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 16/10/2002 đã trưởng thành nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 21/3/2009 do chị N đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét nguyện vọng của chị N và anh D, cháu Nguyễn Tiến T cũng như điều kiện thực tế hiện nay của hai bên, Hội đồng xét xử thấy đề ổn định cuộc sống cũng như ổn định sự phát triển của cháu Nguyễn Tiến T, cần

giao cháu Nguyễn Tiến T cho chị N nuôi dưỡng và anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng N mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu Nguyễn Tiến T trưởng thành là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh D thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh D phải nộp theo quy định của pháp luật.

+ Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Anh D.

[2] Về con chung: Giao chị Đào Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 21/3/2009 (con trai), cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2021, cho đến khi cháu Nguyễn Tiến T trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Anh D mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Anh D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị N xin nộp cả phần án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Anh D. Chị N phải nộp tổng cộng số tiền là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004787 ngày 29/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, chị N còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Anh D vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Ngân